

Bản án số: 26/2024/HSST

Ngày: 27/03/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Phương.

2/ Ông Hoàng Văn Tâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 27/02/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Ngọc H1**; Giới tính: Nam; sinh ngày: 24/3/1998, tại Bình Thuận; Tên gọi khác: (Không có); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nơi cư trú: khu phố 2, phường X, thị xã W, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Tiền án, tiền sự: (Không có).

****Quan hệ gia đình:***

Cha: Phạm Ngọc H2 – sinh năm 1975 (hiện cư trú tại phường X, thị xã W, tỉnh Bình Thuận); Mẹ: Đoàn Thị Kim L – sinh năm 1978 (hiện cư trú tại thôn Z, xã F, huyện H, tỉnh Bình Thuận); Gia đình bị cáo có 03 anh em, nhỏ nhất sinh năm 2011, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; vợ, con: (chưa có).

Bị cáo bị bắt và bị tạm giam từ ngày 16/02/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Những người tham gia tố tụng khác:

- **Bị hại:** Bà Đoàn Thị Kim L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Z, xã F, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Anh N, sinh năm 2001. Địa chỉ: Khu phố 5, phường I, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 392 Nguyễn Trường Tộ, khu phố 3, phường V, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 01/3/2024)
3. Ông Nguyễn Trương Cao N1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn U, xã O, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)
4. Ông TRương Quốc V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu phố 1, phường Q, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)
5. Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu phố 1, phường Q, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)
6. Ông Lê Thanh C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 4, xã J, huyện XA, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)
7. Ông Phan Tiên D, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu phố 1, phường I, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc H1 là con ruột của bà Đoàn Thị Kim L (sinh năm 1978, trú thôn Z, xã F, huyện H, tỉnh Bình Thuận) và ông Phạm Ngọc H2. Năm 2022, bà L và ông H2 ly hôn, H1 sống tại nhà của ông H2 tại thị xã W, tỉnh Bình Thuận còn bà L đến xã F, huyện H, tỉnh Bình Thuận thuê nhà sinh sống.

Vào ngày 14/6/2023, Phạm Ngọc H1 đến nhà bà L chơi. Tại đây, H1 có nói bà L cho H1 mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B5-156.79 để đi chơi thì bà L không đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, lợi dụng việc bà L đang nấu ăn ở phía sau nhà thì H1 lén lút lấy xe mô tô BKS 86B5-156.79, nổ máy xe chạy đi. Sau đó, H1 nảy sinh ý định cầm thế xe này lấy tiền tiêu xài nhưng không có giấy tờ tùy thân nên H1 nhờ Mai Anh N (sinh năm 2001, trú khu phố 5, phường I, thị xã W) cho mượn căn cước công dân của Nhật để cầm xe thì Nhật đồng ý. H1 và Nhật đem xe mô tô BKS 86B5-156.79 đến tiệm cầm đồ Mỹ L1 (do bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1992, trú 392 Nguyễn Trường Tộ, khu phố 3, phường V, thị xã W) cầm được 5.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 15/6/2023, sau khi tiêu xài hết số tiền cầm xe trên thì H1 quay lại tiệm cầm đồ Mỹ Linh, đặt vấn đề bán xe mô tô BKS 86B5-15679 thì bà Linh giới thiệu cho

Nguyễn Văn V1 (sinh năm 1972, trú khu phố 1, phường V, thị xã W). V1 đồng ý mua xe mô tô này với giá 8.400.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, V1 bán lại xe mô tô này cho TRương Quốc V (sinh năm 1990, trú khu phố 1, phường Q, thị xã W) với giá 9.700.000 đồng. V bán lại xe mô tô cho Lê Thanh C (sinh năm 1982, trú thôn 4, xã J, huyện XA, tỉnh Bình Thuận) với giá 10.100.000 đồng. C bán xe mô tô cho Phan Tiến D (sinh năm 1970, trú khu phố 10, phường I, thị xã W) với giá 10.800.000 đồng. D bán lại xe mô tô cho Nguyễn Trương Cao N1 (sinh năm 1987, trú thôn U, xã O, thị xã W) với giá 12.000.000 đồng. Đến ngày 10/6/2023, biết được xe mô tô này là do trộm cắp mà có nên N1 đã giao nộp lại cho cơ quan Công an.

Ngày 22/6/2023, bà L đến Công an xã F tố cáo hành vi trộm cắp xe mô tô của bà đối với Phạm Ngọc H1. Ngày 11/7/2023, Phạm Ngọc H1 ra Công an xã F đầu thú về hành vi trộm cắp xe mô tô của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 37/2023-HĐĐG ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B5-156.79 trị giá 10.862.500 đồng (Mười triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Vật chứng của vụ án: xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B5-156.79. Quá trình điều tra, xét thấy đã làm rõ và không cần thiết tiếp tục tạm giữ nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho bà Đoàn Thị Kim L.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSHTN-HS ngày 14/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Phạm Ngọc H1 về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố: Phạm Ngọc H1 phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Phạm Ngọc H1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B5-156.79 cho chủ sở hữu là bà Đoàn Thị Kim L; việc xử lý vật chứng nêu trên là có căn cứ nên không đề cập xử lý.

Về dân sự: Bà Đoàn Thị Kim L đã nhận lại xe nên không có yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra, truy tố và giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Nguyễn Văn V1, TRương Quốc V, Lê Thanh C yêu cầu nhận lại số tiền đã bỏ ra để mua xe. Tại phiên tòa, các đương sự xác nhận đã tự thỏa thuận giải quyết nên không có yêu cầu gì về phần dân sự, do vậy không đề cập xử lý nữa.

Đối với Mai Anh N, quá trình điều tra xác định Nhật không biết xe mô tô BKS 86B5-156.79 là do phạm tội mà có nên việc cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Mai Anh N, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Trương Cao N1, ông Phan Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa (bà Linh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt). Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 65 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Phạm Ngọc H1 là một công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì muốn có tiền để phục vụ mục đích tiêu xài cá nhân nhưng lại không muốn bỏ sức lao động để kiếm tiền một cách chân chính, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, vào ngày 14/6/2023, tại thôn Z, xã F, huyện H, tỉnh Bình Thuận, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Đoàn Thị Kim L (là mẹ ruột của bị cáo) 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 86B5-156.79 có trị giá 10.862.500 đồng (Theo kết luận định giá tài sản số 37/2023-HĐĐG ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H).

Rõ ràng hành vi của bị cáo Phạm Ngọc H1 là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của

người khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như nội dung Cáo trạng đã truy tố và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[4 Về yếu tố nhân thân, tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015; bị cáo chủ động ra đầu thú khai báo về hành vi phạm tội; nên được xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các yếu tố nhân thân, các tình tiết liên quan đến bị cáo theo quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội; đồng thời, góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với Mai Anh N, Nguyễn Thị Mỹ L1 quá trình điều tra xác định những người này không biết xe mô tô BKS 86B5-156.79 là do phạm tội mà có nên việc Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý là có căn cứ

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B5-156.79 cho chủ sở hữu là bà Đoàn Thị Kim L; việc xử lý vật chứng nêu trên là có căn cứ nên không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự và áp dụng biện pháp tư pháp:

Bà Đoàn Thị Kim L đã nhận lại xe nên không có yêu cầu bồi thường gì. Bị cáo không có quyền định đoạt bán xe mô tô BKS 86B5-156.79, các chủ thể tham gia các giao dịch mua bán xe không tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không được xem là ngay tình; do vậy, đây là các giao dịch dân sự vô hiệu, các bên phải trả lại cho nhau những gì đã nhận. Quá trình điều tra, truy tố và giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Nguyễn Văn V1, TRương Quốc V, Lê Thanh C yêu cầu nhận lại số tiền đã bỏ ra để mua xe; bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trình bày không có yêu cầu gì về phần dân sự. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn V1, TRương Quốc V, Lê Thanh C xác nhận đã tự thỏa thuận giải quyết nên không có yêu cầu gì về phần dân sự; đối với ông Mai Anh N, ông Nguyễn

Trương Cao N1, ông Phan Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm những người này cũng không có yêu cầu gì về phần dân sự; do vậy, Tòa án không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Phạm Ngọc H1, phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Phạm Ngọc H1 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 16/02/2024).

2. Về án phí:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc H1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2024). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Hội

